

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/DS-ST

Ngày: 22/11/2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Bảo Trân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sơn Nhật Thành.

Bà Lâm Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Khởi, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Thôn, Kiểm sát viên

Ngày 2 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 752/2021/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2021/QĐ-ST ngày 12 tháng 11 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Hồ Văn T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp N, xã L, huyện T, tỉnh V.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Anh Trần Quang H, sinh năm 1994 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: đường B, khóm A, phường B, thành phố V, tỉnh V.

- Bị đơn: Ông Trần Duy M, sinh năm 1986 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bà Huỳnh Thị Trúc L, sinh năm 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 28/5/2021 và trong quá trình giải quyết người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn, anh Trần Quang H có ý kiến trình bày và yêu cầu:

Vào ngày 14/01/2021 (dương lịch) bà Huỳnh Thị Trúc L và ông Trần Duy M đến nhà ông Hồ Văn T hỏi vay số tiền 300.000.000đ với lãi suất 5%/tháng, thỏa thuận trong thời hạn 02 tháng sẽ trả đủ số tiền vay và đóng lãi hàng tháng, việc vay tiền bà L và ông M có viết biên nhận và có bà Lê Thị Bé T là người làm chứng. Ngày 14/02/2021 vợ chồng bà L và ông M đóng lãi cho ông T được 01 tháng với số tiền 15.000.000đ, sau đó không đóng nữa. Ông T có nhiều lần nhắc việc trả nợ nhưng vẫn không trả. Nay ông Hồ Văn T yêu cầu bà Huỳnh Thị Trúc L và ông Trần Duy M phải trả số tiền gốc 300.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 14/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định.

* Tại bản tự khai ngày 11/6/2021 bị đơn ông Trần Duy M và bà Huỳnh Thị Trúc L trình bày:

Ông Trần Duy M và bà Huỳnh Thị Trúc L thừa nhận ngày 14/01/2021 có vay tiền của ông Hồ Văn T 300.000.000đ, việc vay tiền có làm biên nhận. Hai bên thỏa thuận ngoài là 05 ngày đóng 01 lần tiền lãi là 7.500.000đ, đã đóng lãi từ ngày 14/01/2021 đến ngày 14/02/2021 được 45.000.000đ những lần đóng tiền lãi không có làm biên nhận. Nay thừa nhận còn nợ lại ông T là 300.000.000đ nhưng do kinh tế đang gặp nhiều khó khăn nên bà L và ông M xin không đóng lãi và trả dần mỗi tháng 3.000.000đ.

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân huyện T đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên tại các phiên họp, hòa giải đại diện cho nguyên đơn anh Trần Quang H có mặt, bị đơn ông Trần Duy M và bà Huỳnh Thị Trúc L vắng mặt, nên không thể tiến hành việc kiểm tra chứng cứ, hòa giải được, do đó Tòa án nhân dân huyện Châu Thành lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa: Đại diện cho nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh V kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng quan hệ tranh chấp tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tam gia tố tụng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trình tự tiến hành hòa giải và tiếp cận, công khai, chứng cứ đúng quy định. Thu thập chứng cứ bằng các biện pháp xác minh đúng quy định tại Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên bà L có khai có đóng lãi cho ông T 45.000.000đ nhưng Tòa án chưa yêu cầu phía bị đơn cung cấp chứng cứ cho việc đóng lãi này. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện

đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật của đương sự, những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi đưa vụ án ra xét xử nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt trong phiên hòa giải vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Từ những phân tích về phần thu thập chứng cứ, không đủ cơ sở để giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 259 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Ông Hồ Văn T yêu cầu ông Trần Duy M và bà Huỳnh Thị Trúc L trả số tiền vay 300.000.000đ, tiền lãi từ ngày 14/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định. Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, bị đơn ông M và bà L có nơi cư trú ấp H, xã H, huyện T, tỉnh V. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh V.

[2] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện T đã đưa bị đơn ông Trần Duy M và bà Huỳnh Thị Trúc L tham gia tố tụng, đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đến ghi bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo đúng quy định tại Điều 68, 70, 177, 196, 205, 208, 209, 210 và Điều 211 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại các phiên họp, hòa giải đại diện cho nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt, nên không thể tiến hành việc kiểm tra chứng cứ, hòa giải được. Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn, anh Trần Quang H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Trần Duy M và Huỳnh Thị Trúc L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hồ Văn T yêu cầu Trần Duy M và Huỳnh Thị Trúc L trả số tiền vay 300.000.000đ, tiền lãi từ ngày 14/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định. Nhận thấy, mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông M và bà L đều vắng mặt tuy nhiên có bản tự khai trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông M, bà L thừa nhận ngày 14/01/2021 có vay ông Hồ Văn T số tiền 300.000.000đ để kinh doanh, việc vay tiền có làm biên nhận. Hai bên thỏa thuận 05 ngày đóng 01 lần tiền lãi là 7.500.000đ, đã đóng lãi từ ngày 14/01/2021 đến ngày 14/02/2021 được 45.000.000đ những lần đóng tiền lãi không có làm biên nhận. Nay thừa

nhận còn nợ lại ông T là 300.000.000đ, xin không đóng lãi và trả dần mỗi tháng 3.000.000đ.

Căn cứ vào lời khai, chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhận thấy thực tế bà Huỳnh Thị Trúc L và ông Trần Duy M có vay của ông Hồ Văn T số tiền 300.000.000đ là sự thật được thể hiện qua biên nhận ngày 14/01/2021 (bút lục 30) và được thể hiện qua bản tự khai của bà L, ông M (bút lục 18, 28). Do đó, căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 300.000.000đ.

Về lãi suất, theo đơn khởi kiện nguyên đơn trình bày bị đơn có đóng lãi được 01 tháng với số tiền là 15.000.000đ việc đóng lãi không có làm biên nhận. Bị đơn cũng thừa nhận có đóng lãi 01 tháng cho nguyên đơn nhưng đóng được 45.000.000đ việc đóng lãi này bị đơn cũng trình bày không có làm biên nhận nên không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh cho việc đóng lãi 45.000.000đ. Xét lời nại ra việc đóng lãi 45.000.000đ của bị đơn là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Căn cứ quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tuy các bên có thỏa thuận về lãi suất nhưng lãi suất 5% là cao hơn mức lãi suất được pháp luật quy định (20%/năm) nên việc bị đơn đóng lãi cho nguyên đơn 15.000.000đ/tháng/300.000.000đ là vượt 10.000.000đ so với quy định, số tiền 10.000.000đ này sẽ được căn trừ vào số tiền gốc $300.000.000đ - 10.000.000đ = 290.000.000đ$.

Mặc khác, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 300.000.000đ tiền lãi từ ngày 14/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định, bị đơn xin trả nợ gốc và xin không đóng lãi. Như vậy, các bên không thống nhất được mức lãi suất cho vay nên mức lãi suất cho vay được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10%/năm. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi của nguyên đơn với mức lãi suất 10%/năm/290.00.000đ từ ngày 14/02/2021 đến ngày 22/11/2021 (09 tháng 08 ngày) là 22.388.000đ.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ việc bị đơn khai có đóng lãi cho nguyên đơn 45.000.000đ nhưng Tòa án chưa yêu cầu bị đơn cung cấp chứng cứ cho việc đóng lãi này. Xét thấy, tuy bị đơn bà L và ông M không có mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng có làm bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt gửi Tòa án. Trong bản tự khai bà L và ông M thừa nhận có vay tiền của ông T 300.000.000đ, việc vay tiền có làm biên nhận, có đóng lãi từ ngày 14/01/2021 đến ngày 14/02/2021 được 45.000.000đ nhưng việc đóng tiền lãi không có làm biên nhận, nay thừa nhận còn nợ lại ông T là 300.000.000đ, xin không đóng lãi và trả dần mỗi tháng 3.000.000đ. Thực tế, bà L, ông M cũng thừa nhận việc đóng lãi không có làm biên nhận, nên không thể cung cấp được cho Tòa án,

cũng không yêu cầu tính lại tiền lãi đã đóng, bị đơn thừa nhận còn nợ 300.000.000đ xin không đóng lãi và xin trả dần mỗi tháng 3.000.000đ. Nên việc yêu cầu bị đơn cung cấp chứng cứ chứng minh cho việc đóng lãi 45.000.000đ là không cần thiết. Đề nghị của Kiểm sát viên là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 238, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T.

Buộc ông Trần Duy M và bà Huỳnh Thị Trúc L có trách nhiệm liên đới trả cho ông Hồ Văn T số tiền vay 290.000.000đ và tiền lãi 22.388.000đ. Tổng cộng là 312.388.000đ (Ba trăm mười hai triệu, ba trăm tám mươi tám ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc ông Trần Duy M và bà Huỳnh Thị Trúc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.619.400đ. Ông Hồ Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông T số tiền đã nộp tạm ứng án phí 7.927.000đ theo biên lai thu số 0007046 ngày 28/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh V, ông T liên hệ Chi cục Thi hành án dân sự huyện T để nhận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Châu Thành;
- CC THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Bảo Trân